

**GIÁO DỤC KHOA CỬ Ở VIỆT NAM THỜI LÝ - TRẦN****EDUCATION – EXAMINATION IN VIETNAM DURING  
THE LY - TRAN DYNASTIES***Nguyễn Công Lý\****1. Giới thiệu chung**

Khái niệm “thời Lý - Trần” được chúng tôi dùng trong bài viết này không chỉ là tính riêng hai triều đại Lý và Trần, mà là một khái niệm dùng để chỉ chung cho một thời đại ở Việt Nam kéo dài ngót năm trăm năm tính từ ngày nước nhà giành lại độc lập tự chủ sau chiến công của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào mùa đông năm 938, để mùa xuân năm sau (939) lên ngôi, xưng là Ngô Vương Quyền, cho đến năm 1414 là năm đánh dấu cuộc khởi nghĩa chống quân Minh (Trung Quốc) của nhà hậu Trần bị thất bại. Thời đại này trải qua các triều đại: Ngô (939-965), Đinh (968-980), Tiền Lê (981-1009), Lý (1009-1225), Trần (1225-1400), Hồ (1400-1407), Hậu Trần (1407-1414), trong đó hai triều đại Lý và Trần là hai triều đại tiêu biểu nhất, trị vì dài lâu nhất và chính hai triều đại này đã tạo nên nền văn hóa Thăng Long rực rỡ có một không hai trong lịch sử văn hóa tư tưởng Việt Nam, cho nên giới nghiên cứu mới dùng tên của hai triều đại này để chỉ chung cho một giai đoạn lịch sử từ sau khi nước nhà giành lại độc lập tự chủ sau hơn một ngàn năm bị các đế chế phong kiến Trung Quốc đô hộ (Nguyễn Công Lý, 2002, tr.20).

Có thể khái quát ba đặc trưng cơ bản của thời đại này như sau: Một là, thời đại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng; Hai là, thời đại phục hưng những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc; Ba là, thời đại khoan giản, an lạc, nhân thứ, rộng mở, dân chủ, xuất hiện những nhân cách cao đẹp của thời đại (Nguyễn Công Lý, 2000; Nguyễn Công Lý, 2002).

Có thể chia thời đại Lý - Trần thành ba chặng đường: Ngô, Đinh, Tiền Lê (939-1009); Lý (1009-1225); Trần, Hồ, Hậu Trần (1225-1414).

**2. Giáo dục – khoa cử thời Lý - Trần****2.1. Giáo dục khoa cử dưới các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê**

Sau khi nước nhà giành được độc lập từ năm 938, các vương triều phong kiến bắt đầu xây dựng nhà nước Đại Việt độc lập tự chủ, mở ra một thời đại mới: thời đại phục hưng dân tộc. Dưới các triều đại Ngô (939-967), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009), triều đình lo việc đối đầu chống xâm lược, coi việc võ bị cần thiết hơn và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội hồi này chưa ổn định lắm nên nhà nước chưa có điều kiện chăm lo việc giáo dục. Do vậy, **các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê chưa có tổ chức thi cử**. Để chọn người làm quan,

---

\* Phó Giáo sư. Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG-HCM.

triều đình đặt ra lệ *tiến cử* và *bảo cử*. Các quan lại có thể bảo lãnh lý lịch nhân thân người hiền tài rồi tiến cử họ lên triều đình để nhà vua cùng các đại quan triều thần xem xét và bổ dụng. Nếu bảo cử và tiến cử sai người thì người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm trước triều đình với hình phạt nặng nề.

## 2.2. Giáo dục khoa cử triều Lý

Nhà Lý (1009-1225), đầu triều đại này các vua Lý Thái Tổ (1010-1028) và Lý Thái Tông (1028-1054) bắt đầu chú ý đến việc học hành nhưng việc học chủ yếu diễn ra trong nhà chùa và triều đình vẫn chưa nghĩ đến việc tổ chức thi cử để tuyển chọn nhân tài. Người nào có học, tài giỏi nếu được tiến cử thì triều đình xem xét, bổ dụng làm quan. Đến triều Lý Thánh Tông (1054-1072), việc học mới được mở rộng ra ngoài dân gian. Lúc này Nho học bắt đầu được coi trọng, mặc dù nhà vua đương triều rất sùng mộ đạo Phật và chính vua Lý Thánh Tông (1054-1072) là người sáng lập ra Thiền phái Thảo Đường. Năm 1070, nhà vua cho lập *Văn miếu* tại kinh đô Thăng Long để thờ Khổng Tử và Tứ phối cùng Thất thập nhị hiền. Cũng từ đây ở các trấn, triều đình cho lập *Văn chỉ*. Đời Lý Nhân Tông (1072-1128), việc học còn được chú trọng hơn nữa. Lúc này triều đình mới đặt lệ thi cử để tuyển chọn nhân tài ra giúp nước. Việc học hành đã mô phỏng theo Trung Quốc thì việc thi cũng thế. Việc học ở Trung Quốc đã có từ lâu, từ thời cổ đại nhưng việc thi thì mãi đến gần cuối đời Đông Hán dưới đời vua Hán Linh Đế (169-189) mới thành lệ (nhà Hán: 106 TCN-220 SCN) và đến đời nhà Đường (618-907) mới có quy củ, chính quy cùng đặt ra các học vị đỗ đạt cụ thể.

**Khoa thi đầu tiên ở nước ta là khoa *Tam trường* 三場 được vua Lý Nhân Tông cho tổ chức vào năm 1075.** Người đỗ đầu khoa thi này là Lê Văn Thịnh, quê ở huyện Gia Định, Kinh Bắc (nay là Gia Bình, Bắc Ninh), sau làm đến chức Thái sư, bị tội, bị cách chức và bị đày đi xa.

Năm 1076 nhà vua cho thành lập *Quốc tử giám* bên cạnh *Văn miếu*. Từ đây các khoa thi thình thoảng được triều đình tổ chức và nhà vua trực tiếp duyệt quyển thi của thí sinh tại điện đình.

Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086) vua Lý Nhân Tông (1072-1128) cho mở khoa thi *Văn học*; người đỗ đầu khoa này là Mạc Hiến Tích, quê ở Chí Linh, nay thuộc Hải Dương. Sau ông làm đến chức Thượng thư. Ông là tổ xa đời của Mạc Đĩnh Chi.

Năm Chính long Bảo ứng thứ 3 (1165) vào tháng 8, vua Lý Anh Tông (1138-1175) cho mở khoa thi *Thái học sinh* 太學生.

Sang triều vua Lý Cao Tông (1176 -1210), năm Trinh Phù thứ 10 (1185), vua lệnh cho học trò trong nước từ 15 tuổi trở lên đi thi, người nào thông kinh Thi, kinh Thư thì được vào hầu ở toà *Ngự diên* 御延 (nơi giảng sách của nhà vua). Sau đó tổ chức thi khoa *Thông thi thư* 通詩書, lấy đỗ 20 người. Người đỗ đầu là Bùi Quốc Khái, quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương.

Năm Thiên tư Gia thủy thứ 8 (1193), vua cho thi lấy học trò vào hầu nơi ngự học, rồi năm Thiên tư Gia thủy thứ 10 (1195) nhà vua cho mở khoa thi *Tam giáo* để chọn người tinh thông Nho, Phật, Đạo, người thi đỗ được gọi là *Tam giáo xuất thân* 三教出身.

Đời Lý được coi là triều đại đặt nền móng cho việc học việc thi ở nước ta, dù việc thi cử lúc này chưa được tổ chức chặt chẽ, quy củ, nền nếp nếu so sánh với các triều đại sau.

### 2.3. Giáo dục khoa cử triều Trần

Vào triều nhà Trần (1225-1400), việc học việc thi ngày càng được tổ chức có quy củ và chính quy hóa. Năm Kiến Trung thứ 3 (1227), vua Trần Thái Tông (1225-1258) cho thi *Tam giáo* 三教 chọn những người tinh thông để nối nghiệp Nho, Phật, Đạo.

Tháng 8 năm 1232, nhà vua mở khoa thi *Thái học sinh* 太學生, lấy đỗ theo *Tam giáp* (Nhất giáp, Nhị giáp, Tam giáp). Người đỗ đầu Nhất giáp là Trương Hanh, người huyện Trường Tân, nay là Gia Lộc, Hải Dương. Điều này, sử gia Ngô Sĩ Liên có bàn rằng: “*Phép thi cử nước ta có chia ra giáp và đệ là bắt đầu từ đây, nhưng niên hạn thi chưa định, phép thi chưa rõ, vì bắt đầu xây dựng thì phải như thế. Về sau mới hạn định 7 năm một khoa, đặt ra Tam khôi, điều lệ ngày một nghiêm nhặt, ân điển ngày một long trọng, công danh do đó mà ra, nhân tài đầy dẫy, so với nhà Lý trước thịnh hơn nhiều, cũng do ở đó*”<sup>1</sup>.

Tháng 8 năm 1236, vua chọn Nho sinh thi đỗ vào hầu, sau thành định lệ. Tháng 2 năm 1239, năm Thiên ứng Chính bình thứ 8, nhà vua lại cho thi *Thái học sinh* 太學生 và chia theo thứ bậc *tam giáp* 三甲. Người đỗ Nhất giáp là Lưu Miễn, chưa rõ quê quán, làm quan đến chức Tả Tư mã.

Tháng 7 năm 1246, năm Thiên ứng Chính bình thứ 15, vua ban chiếu định niên hạn thi *Đại tỷ* cứ 7 năm một kỳ. Khoa thi *Đại tỷ* 大譬 năm này lấy đỗ 44 người; người đỗ Trạng nguyên là Nguyễn Quan Quang, người huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc, nay là Từ Sơn, Bắc Ninh.

Năm sau, tháng 2 năm 1247, Thiên ứng Chính bình thứ 16, vua cho thi *Đại tỷ* 大譬 lấy đỗ theo thứ bậc *Trạng nguyên* 狀元, *Bảng nhãn* 榜眼, *Thám hoa lang* 探花郎 và *Thái học sinh* 太學生, tất cả có 48 người. Như vậy, kể từ khoa thi năm 1247 này triều đình mới định lệ *Tam khôi* 三魁 (3 người đỗ đầu ở *Nhất giáp* 一甲), còn các khoa thi trước đây chỉ chia theo thứ bậc *Giáp* và *Ất* chứ chưa có *Tam khôi* 三魁. Khoa thi này, Nguyễn Hiền 13 tuổi, quê ở huyện Thượng Hiền (sau đổi thành huyện Thượng Nguyên), phủ Xuân Trường, Nam Định, đỗ Trạng nguyên; Lê Văn Hưu 17 tuổi, quê ở Thanh Hoa (tên Thanh Hóa được đặt từ thời Hậu Lê vào đời vua Lê Thánh Tông) đỗ Bảng nhãn; Đặng Ma 13 tuổi, quê ở Thăng Long đỗ Thám hoa. Đó là ba vị Tam khôi đầu tiên và cũng là ba vị Tam khôi trẻ tuổi nhất trong lịch sử khoa cử nước ta. Đến tháng 8 năm này, nhà vua còn cho thi *Tam giáo* chọn những người tinh thông Nho, Phật, Đạo để bổ dụng chức quan.

<sup>1</sup> Dẫn lại: Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 3, phần *Khoa mục chí*, bản dịch, NXB Sử học, 1961, tr.7.

Năm 1253, vua Trần Thái Tông lập ra *Quốc học viện* (trên cơ sở của *Quốc tử giám* đời Lý) để cho con em quý tộc, quan lại vào học và sau đó mở rộng cho Nho sĩ vào nghe giảng *Tứ thư, Ngũ kinh*.

Tháng 2 năm 1256, năm Nguyên Phong thứ 6, triều đình mở khoa thi *Đại tỷ* 大譬 lấy đỗ *kinh Trạng nguyên* 京狀元 (thí sinh gốc ở xứ Bắc bây giờ) và *trại Trạng nguyên* 寨狀元 (thí sinh gốc ở châu Ái, châu Hoan, châu Diễn tức Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ), mỗi xứ một người, nhằm khuyến khích việc học ở các vùng xa kinh đô. Khoa này lấy đỗ tất cả là 42 người. Tam khôi có 04 người, gồm 02 Trạng nguyên, 01 Bảng nhãn và 01 Thám hoa. Kinh Trạng nguyên là Trần Quốc Lặc, người huyện Thanh Lâm, nay là Nam Sách, Hải Dương; Trại Trạng nguyên là Trương Sán, người huyện Hoành Sơn, nay là Nghi Lộc, Nghệ An.

Các triều vua Trần Thánh Tông (1258-1278), Trần Nhân Tông (1279-1293), Trần Anh Tông (1293-1314) cũng theo lệ ấy.

Năm Thiệu Long thứ 9 (1266), Trần Thánh Tông mở khoa *Đại tỷ* 大譬, lấy đỗ 47 người, Kinh Trạng nguyên là Trần Cố, người huyện Thanh Miện, nay thuộc Hải Dương; Trại Trạng nguyên là Bạch Liêu, người huyện Đông Thành, Hoan Châu, nay là Yên Thành, Nghệ An.

Năm Bảo Phù thứ 3 (1275) thi *Đại tỷ* 大譬, lấy đỗ Thái học sinh 27 người, Nhất giáp đủ tam khôi; Nhị giáp và Thái học sinh 24 người. Từ khoa này không chia Kinh và Trại Trạng nguyên như trước. Trạng nguyên là Đào Tiêu, người huyện Đông Sơn (sau đổi là La Sơn), nay là Đức Thọ, Hà Tĩnh.

Riêng dưới triều Trần Nhân Tông, nhà vua cho mở khoa thi *Thái y* 太醫 để chọn người tinh thông y học vào làm việc tại *Thái y viện* 太醫院.

Tháng 3 năm 1304, năm Hưng Long thứ 12, vua Trần Anh Tông cho mở khoa thi *Đại tỷ* 大譬 (*Thái học sinh* 太學生) nhưng theo thể lệ mới: mỗi thí sinh dự thi phải trải qua 4 trường (kỳ), mỗi trường thi một số môn. Kỳ nhất thi *Ám tả* để loại bớt; kỳ nhì thi *Kinh nghị*<sup>2</sup>, *Kinh nghĩa*, *Thơ ngũ ngôn trường thiên* lấy 4 chữ *tài, nan, xạ, trư* làm vần, *Phú* dùng thể 8 vần (*phú bát vận*); kỳ ba thi *Chiếu, Chế, Biểu*; kỳ bốn thi *Văn sách*. Từ khoa thi này mới có lệ những người đỗ *tam khôi* được rước ra cửa Phượng Thành và dạo chơi phố phường Thăng Long trong 03 ngày. Cũng từ khoa thi này mới có học vị *Hoàng giáp* để gọi những người thi đỗ ở bảng *Nhị giáp*; còn *Nhất giáp* thi lấy đỗ theo thứ bậc *tam khôi* như cũ và *Tam giáp* thi gọi là *Thái học sinh*. Từ đó các đời vua sau theo lệ ấy không đổi. Khoa thi này lấy đỗ 44 người. Người đỗ *Trạng nguyên* là Mạc Đĩnh Chi quê ở huyện Chí Linh, Hải Dương; đỗ *Bảng nhãn* là Bùi Mộ và người đỗ *Thám hoa* là Trương Phóng. Đỗ đầu bảng *Nhị giáp* (*Hoàng giáp*) là Nguyễn Trung Ngạn lúc mới 16 tuổi. Tiếp theo là 40 vị *Thái học sinh*.

<sup>2</sup> Bài thi có đầu đề hỏi về những chỗ còn nghi ngờ trong kinh sách (Tứ thư, Ngũ kinh).

Đến triều Trần Duệ Tông (1373-1377) vào tháng 2 năm 1374, năm Long Khánh thứ 2, vua cho thi *Thái học sinh* (có tài liệu ghi là thi *Tiến sĩ* ?) ở điện đình, lấy đồ *Trạng nguyên*, *Bảng nhãn*, *Thám hoa*, *Hoàng giáp*, gồm *cập đệ* và *xuất thân* 50 người, theo thứ bậc khác nhau. Khoa này, Đào Sư Tích quê ở Nam Định đỗ *Trạng nguyên* và ông là người đỗ đầu từ thi Hương đến thi Đình (Tam nguyên). Như vậy, theo *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thì danh hiệu *Tiến sĩ* bắt đầu từ năm 1374 mới được dùng ở nước ta (?). Việc này, quan Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn là Cao Xuân Dục trong *Quốc triều đăng khoa lục* có lời bàn như sau: “Danh hiệu *Tiến sĩ* thì đến năm Long Khánh đời vua Trần Duệ Tông (1373-1377) mới thấy có (xét trước đó đều gọi là *Thái học sinh*), đến lúc này bắt đầu gọi là thi *Tiến sĩ*, nhưng xem ra *Thái học sinh* hạng ưu được gọi là *Tam khôi* (*Trạng nguyên*, *Bảng nhãn*, *Thám hoa*) và *Hoàng giáp*, còn lại đều gọi là *Thái học sinh*, thì biết *Thái học sinh* chính là *Tiến sĩ* vậy”<sup>3</sup>.

Các vua tiếp theo như Trần Phế Đế (1377-1388), Trần Thuận Tông (1388-1398) đều cho tổ chức thi *Thái học sinh*. Chẳng hạn, năm Xương Phù thứ 8 (1385) đời vua Trần Phế Đế cho thi *Thái học sinh* tại chùa Vạn Phúc, huyện Tiên Du, Kinh Bắc, lấy đồ 30 người. Đỗ đầu là Đoàn Xuân Lôi, người huyện Tân Phúc, lộ Bắc Giang, nay là Bắc Giang.

Năm Quang Thái thứ 6 (1393) vua Trần Thuận Tông cho thi *Thái học sinh* lấy đồ 30 người. Đỗ đầu là Hoàng Quán Chi, người huyện Từ Liêm, nay thuộc Hà Nội.

Cũng vào triều Trần Thuận Tông, vua đã ban chiếu định lại lệ thi Hương: cứ năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội, ai đỗ thi Hội thì nhà vua ra thi một đề *Văn sách* ở kỳ thi Điện đình để xếp loại thứ tự. Nhà Trần vẫn theo phép thi của Trung Quốc, dùng văn thể 4 trường, nhưng trường nhất bỏ bài *Ấm tả cổ văn* và thay vào đó là một bài *Kinh nghĩa* (với kết cấu các đoạn: phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết thúc), yêu cầu viết 500 chữ trở lên; trường nhì thi 01 bài *Thơ* dùng thể Đường luật, 01 bài *Phú* theo lối *cổ thể* hoặc *ly tao* hay *văn tuyển* với yêu cầu 500 chữ trở lên; trường ba thi một bài *Chiếu* dùng thể đời Hán, một bài *Chế* và một bài *Biểu* theo thể *tứ lục* đời Đường; trường bốn thi *Kinh sách* một bài, ra đề về kinh sử, thời vụ, yêu cầu bài viết 1000 chữ trở lên.

Có thể thấy nền giáo dục đời Trần thật sự phát triển và kèm theo giáo dục là khoa cử tuyển chọn nhân tài. Thời này, đội ngũ trí thức có thực tài đã xuất hiện đông đảo, trong đó có nhiều nhân vật tiêu biểu được sử sách lưu danh như Đoàn Nhữ Hài, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Chu Văn An, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Trương Hán Siêu, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh,... Đặc biệt, Chu Văn An (1292-1370) là một nhà giáo dục xuất sắc của thời đại, người được tôn vinh là bậc *nhất thế sư biểu* 一世師表, tuy hiện không rõ cụ có đi thi và đỗ đạt học vị nào không, vì không thấy sử sách ghi chép. Chỉ biết cụ là một nhà giáo nổi tiếng, trước khi được vua nhà Trần là Trần Hiến Tông (1329-1341) mời về kinh làm quan thì cụ từng mở trường Huỳnh Cung ở quê để dạy học và học trò theo

<sup>3</sup> Cao Xuân Dục, *Quốc triều đăng khoa lục*, bản ấn ảnh chữ Hán của trường Viễn Đông Bác cổ Hà Nội, Thư viện Viện Khảo cổ Sài Gòn; bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Trung tâm Học liệu Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, xuất bản, 1962.

học rất đông, trong đó có cả con trai của vị Thủy Thần cũng đến theo học, nhiều người đã đỗ đạt cao, làm quan to, nổi tiếng văn chương, lập công lớn cho đất nước như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát. Nhờ tiếng tăm mà nhà vua ban chiếu mời cụ về dạy cho Thái tử Trần Vượng, tức vua Trần Dụ Tông (1341-1369). Sau đó dạy tại Quốc tử giám với chức *Tư nghiệp* 司業. Khi cụ mất, vua Trần Nghệ Tông (1369-1371) sai quan đến tế, truy tặng tước *Văn Trinh công* và cho thờ ở *Văn miếu*. Sau này, Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類志 đã hết lời ngợi ca và đánh giá rất cao về cụ. Chẳng hạn, sử gia Phan Huy Chú viết: “*Ông Văn Trinh học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, được đời ấy suy tôn, đời sau ngưỡng mộ, tìm trong làng Nho ở nước Việt ta, từ trước đến nay, chỉ có mình ông. Các ông khác thực không thể so sánh được*” (Phan Huy Chú, 1961, tr.289).

## 2.4. Giáo dục khoa cử triều Hồ

Triều nhà Hồ (1400-1407), năm 1400, Hồ Quý Ly soán ngôi của cháu ngoại là Trần Thiếu Đế (1398-1400) để lên ngôi lập nên nhà Hồ và ngay năm đầu tiên vào tháng 8 năm 1400, năm Thánh Nguyên thứ nhất, đã cho mở khoa thi *Thái học sinh* 太學生. Nhà văn hóa lớn, đại thi hào Nguyễn Trãi đã thi đỗ khoa này. Khoa này lấy đỗ 20 người. Người đỗ đầu là Lương Thúc Kiệm, người huyện Gia Định, trấn Kinh Bắc, nay là Gia Bình, Bắc Ninh.

Năm Khai Đại thứ 3 (1405), Hồ Hán Thương (1401-1407) định lại cách thức thi Hương, cứ tháng 8 năm nay thi Hương, ai đỗ thì miễn lao dịch, đến tháng 8 năm sau vào Bộ Lễ thi lại, gọi là thi Lễ bộ Cử nhân, có đỗ mới được tuyển dụng, kỳ thi này lấy đỗ 170 người, người đỗ đầu là Hà Ngạn Thần, đến năm sau cho vào thi Hội, ai qua được kỳ thi Hội này mới gọi là *Thái học sinh* 太學生.

Về cách thức tổ chức thi, ngoài bốn trường thi như trước, nhà Hồ còn thêm trường thứ 5, kỳ này sĩ tử thi viết chữ (ám tả) và toán pháp. Có thể nói nhà Hồ tuy ngắn ngủi nhưng việc thi cử có chỉnh đốn lại theo hướng thiết thực hơn và việc học lúc này như chương trên có nói, triều đình có mở rộng ra các lộ, phủ và đặt các chức học quan trông coi, đề cao việc học chữ Nôm, nhờ thế đã đào tạo được một đội ngũ quan lại mới cho bộ máy hành chính.

Bàn về phép thi cử ở nước ta từ đầu đến đây, sử gia Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* đã viết: “*Phép thi cử đến đây mới đủ bốn trường, nay còn theo, không thay đổi được. Chọn nhân tài bằng văn học, không gì hơn phép này. Xem những người thi đỗ về các khoa cuối đời Trần thì Nguyễn Ước Trai là nhất, văn chương mưu trí của ông đã giúp cho triều Lê buổi đầu dựng nước. Sau nữa, những người như Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng... đều là văn chương cự phách một thời. Thế mới biết từ Tam đại (Hạ, Thương, Chu ở Trung Quốc) về sau, chọn người tài giỏi bằng khoa cử thì văn nghệ không thể thiếu được*” (Phan Huy Chú, 1961, tr.289).

## 2.5. Giáo dục khoa cử triều Hậu Trần

Nhà Hậu Trần (1407-1414) với hai đời vua Trần Trung Quang đế và Trần Giản Định đế, lúc này nước ta bị giặc Minh - Trung Quốc xâm lược, hai vua nhà hậu Trần đã tổ chức

kháng chiến chống xâm lược tại vùng Thanh Nghệ dưới sự giúp sức của các tướng tài như Nguyễn Biểu, Đặng Tất, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Cảnh Dị, nên triều đình lúc này không tổ chức học hành thi cử.

### 3. LỜI KẾT

Chế độ phong kiến Việt Nam tính từ lúc Ngô Quyền giành được độc lập xưng vương năm 939 cho đến Cách mạng tháng Tám 1945 xóa sạch chế độ thực dân, phong kiến để lập nên chế độ dân chủ cộng hoà thì vừa đúng 1007 năm, nhưng lịch sử giáo dục khoa cử của chế độ phong kiến chỉ diễn ra trong 844 năm, tính từ khoa thi đầu tiên là *khoa Tam trường* vào năm 1075 dưới đời Lý Nhân Tông (1072-1127) đến khoa thi cuối cùng năm 1919 là khoa Kỷ Mùi dưới đời Khải Định (1916-1925).

Riêng giáo dục khoa cử thời Lý - Trần, có thể nói ban đầu các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê đến đời vua Lý Thái Tổ, triều đình chưa chú trọng gì đến giáo dục và khoa cử, hồi này việc học thường là do các sư ở nhà chùa đảm nhiệm là chủ yếu. Để chọn người hiền tài ra giúp việc, các triều đại bấy giờ có lệ bảo cử và tiến cử. Bắt đầu đời vua Lý Thánh Tông trở đi cho đến triều Trần rồi triều Hồ thì giáo dục khoa cử mới được triều đình chú trọng. Việc vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu (1070), vua Lý Nhân Tông cho mở khoa thi đầu tiên (1075), rồi cho xây dựng Quốc Tử Giám (1076) chính là cắm cái mốc cho sự nghiệp giáo dục Nho học ở Việt Nam. Đến triều Trần rồi triều Hồ, giáo dục và khoa cử ngày càng được cải thiện, tổ chức quy củ hơn, định lệ các khoa thi, quy định các bài thi mỗi kỳ, đặt ra các học vị trong các khoa thi, nhất là các học vị của khoa thi Đình. Dưới hai triều đại này, việc học không chỉ giới hạn ở nơi kinh đô mà còn được mở rộng đến các lộ, châu, phủ. Triều đình cấp học điền, đặt các chức học quan trông coi việc học ở các địa phương, do vậy sĩ tử ngày càng đông, giáo dục ngày càng phát triển như đã trình bày ở trên.

Về các khoa thi và số người đỗ ở các đại khoa, nếu các triều nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê chưa có tổ chức thi cử gì, việc tuyển chọn nhân tài ra giúp vua trị nước dựa vào lệ bảo cử và tiến cử thì sang triều Lý (1010-1225), nhà nước đã bước đầu tổ chức được 06 khoa thi: 01 khoa Tam trường, 01 khoa Văn học, 01 khoa thi Đình, 01 khoa Thái học sinh, 01 khoa Thông thi thư và 01 khoa Tam giáo vào các năm 1075, 1086, 1152, 1165, 1185, 1195. Tổng số người đỗ các khoa trên hiện chưa rõ vì sử sách xưa không ghi lại. Chỉ biết có ba người đỗ đầu trong ba khoa là Lê Văn Thịnh (khoa Tam trường), Mạc Hiến Tích (khoa Văn học), và Bùi Quốc Khái (khoa Thông thi thư, khoa này đỗ tất cả 20 người).

Triều Trần (1225-1400), theo tư liệu ghi chép hiện còn, đã tổ chức được 16 khoa thi như: Tam giáo, Thái học sinh, Đại tỷ, ... vào các năm 1227, 1232, 1239, 1246, 1247, 1256, 1266, 1275, 1305, 1314, 1345, 1363, 1374, 1381, 1384, 1393. Chưa kể những khoa thi đầu chưa rõ tổng số đỗ trong từng khoa, hiện chỉ biết tên người đỗ đầu; còn các khoa sau lấy đỗ tất cả 362 Thái học sinh, trong đó có 11 Trạng nguyên (có hai khoa lấy 02 Trạng nguyên: Kinh Trạng nguyên và Trại Trạng nguyên).

Triều Hồ (1400-1407) đã tổ chức được 02 khoa: 01 khoa Thái học sinh vào năm 1400 và 01 khoa Lễ bộ Cử nhân, khoa thi này chưa phải là đại khoa, mà chỉ nhằm khảo sát trình

độ sĩ tử để chờ thi Thái học sinh năm sau. Như vậy, nhà Hồ chỉ lấy đỗ 20 Thái học sinh ở khoa thi đầu tiên mà thôi (Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Vũ Mộng Nguyên, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên... đã thi đỗ khoa này) (Nguyễn Công Lý, 2011, tr. 313-314).

Chính giáo dục khoa cử thời Lý - Trần đã đặt nền móng để giáo dục thời Hậu Lê (1428-1527) nối tiếp kế thừa và phát triển, ngày càng chính quy hóa, quy củ hơn, phát triển vượt bậc, nhất là dưới vương triều Lê Thánh Tông (1460-1497).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Dục (1962), *Quốc triều đăng khoa lục*, bản ấn ảnh chữ Hán của Trường Viễn Đông Bác cổ Hà Nội, Thư viện Viện Khảo cổ Sài Gòn; bản dịch của Lê Mạnh Liêu, Trung tâm Học liệu Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, xuất bản
2. Cao Xuân Dục (1993), *Quốc triều hương khoa lục*, bản ấn ảnh chữ Hán của Trường Viễn Đông Bác cổ Hà Nội, Thư viện Viện Khảo cổ Sài Gòn; bản dịch, NXB TP Hồ Chí Minh, tái bản.
3. Đỗ Văn Ninh (2001), *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
4. Huyền Quang (1960), *Lược khảo về khoa cử Việt Nam*, Văn hóa Á châu, Sài Gòn
5. Ngô Đức Thọ (chủ biên, 2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*, NXB Văn học, tái bản.
6. Ngô Đức Thọ (chủ biên, 2002), *Văn miếu - Quốc tử giám và 82 bia Tiến sĩ*, Trung tâm hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám xuất bản, Hà Nội.
7. Ngô Văn Ban - Nguyễn Công Lý - Lê Trọng Ngoạn (1997), *Lược khảo và tra cứu về học chế, quan chế ở Việt Nam từ 1945 về trước*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
8. Nguyễn Công Lý (2000), “Một đặc trưng về thời đại Lý - Trần”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 3-2000.
9. Nguyễn Công Lý (2002), *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, NXB ĐHQG TP HCM, 2002, tb 2004, 2006, 2016.
10. Nguyễn Công Lý (2011), *Giáo dục – Khoa cử và quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc*, NXB ĐHQG TP HCM
11. Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên, 1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Giáo Dục, Hà Nội
12. Nguyễn Hoàn, Uông Sĩ Lăng, Võ Miên, Phan Trọng Phiến (1962), *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, bản dịch của Tạ Thúc Khải, Trung tâm Học liệu, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.
13. Nguyễn Q. Thắng (1993), *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
14. Nguyễn Thế Long (1995), *Nho học ở Việt Nam: Giáo dục và thi cử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2007), *Khoa cử Việt Nam (Quyển hạ) Thi Hội; Thi Đình*, NXB Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
16. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, 4 tập (tập 1: *Dur địa chí, Nhân vật chí*; tập 2: *Quan chức chí, Lễ nghi chí*; tập 3: *Khoa mục chí, Quốc dụng chí, Hình luật chí*; tập 4: *Bình chế chí, Văn tịch chí, Bang giao chí*), bản dịch của Viện Sử học, NXB Sử học, Hà Nội.

17. Quốc sử quán triều Lê (1973), *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập, Ngô Sĩ Liên và nhiều sử gia khác, bản dịch của Viện Sử học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập 1, 1967; tập 2, 1971; tập 3, 1972; tập 4.
18. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1963), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch của Viện Sử học, NXB Sử học, Hà Nội.
19. Trần Hồng Đức (2006), *Các vị Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
20. Trần Trọng Kim (1968), *Nho giáo*, quyền thượng và quyền hạ, Trung tâm Học liệu Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tái bản.
21. Trần Văn Giáp (1941), *Lược khảo về khoa cử Việt Nam từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ*, Trường Viễn Đông Bác cổ, Hà Nội.
22. Trịnh Khắc Mạnh (giới thiệu, biên dịch, chú thích, 2006), *Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.